

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TP HỒ CHÍ MINH
CAO ĐẲNG CTIM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG CHÍNH QUY
NGÀNH ĐIỆN ĐIỆN TỬ - KHÓA 28

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I.CÁC MÔN HỌC CHUNG		19	435	157	255	23
MH1109028	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
MH1109029	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
MH1109016	Tin học	3	75	15	58	2
MH1109030	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH1109022	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH1109031	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
MH1109023	Giáo dục thể chất 1	1	30	3	25	2
MH1109024	Giáo dục thể chất 2	1	30	2	26	2
II.CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN		84	2070	596	1397	77
II.1. Môn học cơ sở		14	255	151	92	12
MH1102052	An toàn điện	2	30	26	2	2
MH1102053	Tiếng Anh chuyên ngành (CNKT DDT)	2	30	26	2	2
MH1102026	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	28	2
MH1102054	Vật liệu điện	2	30	26	2	2
MH1102028	Mạch điện	3	60	28	30	2
MH1102029	Đo lường điện	2	45	15	28	2
II.2. Môn học chuyên môn		64	1680	400	1222	58
MH1102064	Cung cấp điện	4	60	52	6	2
MH1102031	Điện tử cơ bản	4	90	30	55	5
MH1102065	Điện tử công suất	4	90	30	55	5
MH1102033	Vi mạch số	4	90	30	55	5
MH1102056	Đo lường cảm biến	2	30	26	2	2
MH1102035	Autocad trong kỹ thuật điện	3	75	15	58	2
MH1102036	Khí cụ điện	2	45	15	27	3
MH1102037	Máy điện	4	90	30	55	5

Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
MH1102038	Trang bị điện	5	120	30	85	5
MH1102041	Vi điều khiển	4	90	30	55	5
MH1102066	Tủ điện	4	105	15	85	5
MH1102057	Điện cơ bản (CN KT Đ-ĐT)	4	105	15	85	5
MH1102048	Quản trị sản xuất	2	30	26	2	2
MH1102049	Quản trị dự án (Cơ điện)	2	30	26	2	2
MH1102058	Thiết kế hệ thống điện Dân dụng và Công nghiệp	4	90	30	55	5
MH1102043	Thực tập sản xuất (CN KT Đ-ĐT)	4	180	0	180	0
MH1102059	Thực tập tốt nghiệp (CN KT Đ-ĐT)	8	360	0	360	0
II.3. Môn học tự chọn		6	135	45	83	7
	Nhóm 1 (Chọn 1 trong 3 môn học sau)	4	90	30	55	5
MH1102040	Lập trình PLC	4	90	30	55	5
MH1102060	Điện lạnh dân dụng	4	90	30	55	5
MH1102061	Cấp thoát nước trong nhà	4	90	30	55	5
	Nhóm 2 (Chọn 1 trong 3 môn học sau)	2	45	15	28	2
MH1102042	Điện khí nén	2	45	15	28	2
MH1102062	SCADA	2	45	15	28	2
MH1102063	Năng lượng tái tạo	2	45	15	28	2
Tổng cộng		103	2505	753	1652	100